

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng
ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng
ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số
91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2018. Thay thế Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *kr*

Nơi nhận: *✓*

- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT Trung ương (HN - TP. HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HỒND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HỒND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.KM

03018/QĐPQ Quy định công tác TĐKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Tiến Châu

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2018/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, bao gồm các nội dung: Đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; hình thức, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và đối tượng, hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; trình tự thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp; thẩm quyền quyết định, tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Quỹ thi đua, khen thưởng và Quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, nghề nghiệp; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; mọi gia đình, công dân, trong và ngoài tỉnh; người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động, sản xuất kinh doanh, công tác, học tập, hoạt động xã hội đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả, thành tích xuất sắc, thành tích đột xuất, thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hậu Giang được khen thưởng theo quy định tại Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. Ngoài ra, còn được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

a) Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cấp huyện hoặc ngành quản lý khi tiến hành sơ kết, tổng kết phát động thi đua theo chuyên đề;

b) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm theo dõi, xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Về hình thức khen thưởng

a) Căn cứ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân để đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức phù hợp;

b) Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được; Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức đó. Không đề nghị tặng 02 loại Huân chương hoặc tặng Huân chương và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cùng một thành tích;

c) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

Điều 4. Căn cứ, điều kiện xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Căn cứ tặng danh hiệu thi đua bao gồm: Phong trào thi đua thường xuyên; đăng ký tham gia thi đua; thành tích thi đua và đạt tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ);

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét, quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận;

đ) Tập thể, cá nhân đang trong thời gian phải xem xét xử lý kỷ luật hoặc xử lý theo pháp luật chưa được xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức phải xử lý kỷ luật, xử lý theo pháp luật thì tiếp tục được xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Căn cứ khen thưởng bao gồm: Tiêu chuẩn khen thưởng; phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích; trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Thành tích của các tập thể, cá nhân gắn liền với kết quả thực hiện xuất sắc nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong lao động, sản xuất, kinh doanh, trong nghiên cứu, trong công tác, chiến đấu, rèn luyện và học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao; những hành động dũng cảm, những gương vượt khó, những việc làm, hành động nhằm phát huy truyền thống đạo lý, nhân nghĩa của dân tộc, của Nhân dân; đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị, Nhân dân, Nhà nước và xã hội.

3. Những trường hợp không được xét tặng danh hiệu thi đua

a) Đối với tập thể:

- Không đăng ký và tham gia thi đua (thời gian đăng ký với Trường Cụm, Khối thi đua về các chỉ tiêu thi đua kinh tế - xã hội sau theo Kế hoạch phát động phong trào thi đua yêu nước hàng năm của tỉnh);

- Tập thể mới thành lập tính đến thời điểm tổng kết thi đua chưa đủ 10 tháng hoạt động;

- Đảng bộ, chi bộ đạt loại yếu kém.

b) Đối với cá nhân:

- Không đăng ký và tham gia thi đua;

- Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

- Bị phạt vi phạm hành chính, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật); hoặc có thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước hoặc các vi phạm khác... (nếu nội dung phản ánh được xác minh là đúng).

- Đánh giá chất lượng đảng viên cuối năm không đạt mức: “Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có chức năng tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng; có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua; kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm phát động và chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương mình quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi mình quản lý, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan Báo Hậu Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hậu Giang và các cơ quan thông tin đại chúng khác có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua trong toàn quốc của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh; giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra;

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh. Tham mưu tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định thành tích, trực tiếp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định;

c) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến; hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động Cụm, Khối thi đua và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đăng ký thi đua của các cấp, các ngành, đơn vị, cá nhân trong tỉnh;

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng ở các cơ quan, tổ chức đơn vị, địa phương tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Đăng ký thi đua

1. Các cơ quan, đơn vị và địa phương phải phát động phong trào thi đua và tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký giao ước thi đua phần đầu thực hiện tốt các nội dung, chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua đã đề ra.

2. Trưởng các Khối, Cụm thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập: Tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký phần đầu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua; các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hàng năm cho các đơn vị thành viên trong Khối, Cụm.

3. Việc đăng ký và xét đề nghị danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thực hiện như sau:

a) Đối với công nhân, đăng ký danh hiệu và bình xét danh hiệu từ xí nghiệp, phòng, phân xưởng, trung tâm thuộc doanh nghiệp;

b) Đối với nông dân, đăng ký danh hiệu và bình xét danh hiệu theo ấp, khu vực; cá nhân đề nghị danh hiệu “Lao động tiên tiến” phải được 70% đại diện hộ gia đình trong Tổ Nhân dân tự quản cùng cư trú tán thành;

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký danh hiệu và bình xét danh hiệu theo phân cấp quản lý.

4. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động: Trên cơ sở kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua của huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh xây dựng, đăng ký các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, giải pháp thực hiện và kết quả phần đầu đạt được các hình thức khen thưởng cụ thể, gửi tới Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để theo dõi, tổng hợp.

5. Thời gian đăng ký thi đua thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm của thành viên Cụm, Khối thi đua gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) và Trưởng Cụm, Khối thi đua theo Kế hoạch phát động phong trào thi đua yêu nước hàng năm của tỉnh, riêng ngành Giáo dục và Đào tạo đăng ký theo năm học chậm nhất ngày 15 tháng 10 hàng năm.

6. Đối với các phong trào thi đua chuyên đề do các ngành phát động: Trên cơ sở Kế hoạch của ngành có đầy đủ các nội dung gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày triển khai Kế hoạch.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua

Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4, Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 4, Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, thực hiện như sau:

1. Hình thức tổ chức thi đua bao gồm: Thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (chuyên đề).

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau;

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo Cụm, Khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các Cụm, Khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua;

b) Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Trước khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) có phạm vi trong sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, Tổng Công ty và Công ty thuộc tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên phải gửi Kế hoạch Tổ chức phát động phong trào thi đua về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để theo dõi, tổng hợp và hướng dẫn khen thưởng.

Người đứng đầu sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, Tổng Công ty và Công ty thuộc tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền.

- Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt trong phạm vi tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền.

- Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

- Không khen thưởng cho các tập thể và cá nhân khi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

Không khen thưởng phong trào thi đua theo đợt cho thành viên của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức cấp tỉnh do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Thành tích của thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức cấp tỉnh được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; trừ trường hợp có sự chỉ đạo, thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

Không khen thưởng nhân ngày thành lập, ngày kỷ niệm; đối với khen thưởng chuyên đề (theo đợt), chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cấp phát động thi đua (giấy khen). Không xét đề nghị khen thưởng chuyên đề cho những hoạt động có thời gian ngắn hoặc không có quy chế thi đua cụ thể, không phát động thi đua, không xem xét khen thưởng cho các đối tượng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét, khen thưởng chuyên đề những phong trào thi đua có tổng kết cấp tỉnh, có kế hoạch cụ thể về khen thưởng hoặc các phong trào thi đua do Trung ương phát động.

Trước khi trình khen thưởng ngoài kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc do sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh phát động có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương phải có ý kiến bằng văn bản thống nhất về số lượng khen thưởng của Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua: Được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BNV, cụ thể như sau:

a) Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực;

b) Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết;

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua;

d) Chú trọng việc tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và đảm bảo các điều kiện về tinh thần, vật chất cho tổ chức phong trào thi đua; đồng thời tăng cường kiểm tra theo dõi quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua;

đ) Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang”;
- c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- d) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;
- c) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”;
- d) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”;
- đ) Danh hiệu “Áp văn hóa”, “Khu vực văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 10. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

Điều 11. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- c) Có sáng kiến đề tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (đối với cá nhân là Công an xã, thị trấn không thuộc lực lượng Công an chính quy, Ban bảo vệ dân phố).

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương họp và bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, trong thời gian đó có sáng kiến cấp tỉnh được công nhận.

Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang”.

Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (đối với Lực lượng vũ trang) phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận. Việc công nhận mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và phạm vi ảnh hưởng do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó, có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tỷ lệ tập thể được tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” không quá 50% tổng số đơn vị được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

Đối với phòng, ban chuyên môn cấp huyện; xã, phường, thị trấn được đánh giá, xếp hạng nhất, nhì, ba Cụm, Khối thi đua trong phong trào thi đua yêu nước của huyện, thị xã, thành phố.

3. Đối tượng xét tặng danh hiệu:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, Hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng;

b) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; tập thể thuộc Chi cục và tương đương (có số lượng từ 08 công chức, viên chức, người lao động trở lên);

c) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; xã, phường, thị trấn;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới, đạt hiệu quả cao, được các tập thể khác học tập kinh nghiệm;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phong trào thi đua theo Cụm, Khối xem xét, quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu Cụm, Khối hoặc về thành tích xuất sắc tiêu biểu (khen thành tích một mặt, một chuyên đề, một nhiệm vụ chính trị) cho tập thể tham gia phong trào thi đua.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất, dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng đã sửa đổi, bổ sung năm 2013.

2. Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 16. Các hình thức khen thưởng

1. Huân chương.
2. Huy chương.
3. Danh hiệu Vinh dự Nhà nước.
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.
5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.
6. Bằng khen.
7. Giấy khen.

Điều 17. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

Thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận là thành tích được cơ quan, tổ chức trong khu vực hoặc thế giới tặng thưởng huy chương, giải thưởng, giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ chế độ 06 tháng.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 18. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng

1. Khi xét khen thưởng cần căn cứ vào thành tích của các tập thể, cá nhân gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong lao động, sản xuất, kinh doanh, trong nghiên cứu, trong công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, rèn luyện và học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao.

2. Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau; không nhất thiết đề nghị lần khen sau phải cao hơn lần trước.

3. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Quan tâm khen thưởng cá nhân, tập thể từ yếu kém, phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác.

4. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

6. Tặng, truy tặng “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Lao động” các hạng (có quá trình công hiến), tôn vinh các danh hiệu vinh dự Nhà nước: Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, Danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân cho cá nhân phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 36, 37, 38, 42, 43, 44, 59, 60, 61, 62, 63, 64 và Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 16, 17, 18, 22, 23, 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 19. “Huân chương Lao động” hạng Nhất

1. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 04 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao được bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có phát minh, sáng chế, sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong phạm vi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 05 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho nhiều lao động, được cấp bộ, cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và phổ biến học tập nêu gương toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc có 04 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. “Huân chương Lao động” hạng Nhì

1. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 03 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 03 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao được cấp tỉnh công nhận và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mang lại lợi ích giá trị cao hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 04 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp tỉnh công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc có 03 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. “Huân chương Lao động” hạng Ba

1. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Công nhân có 02 phát minh, sáng chế, sáng kiến mang lại hiệu quả cao trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và được cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận, có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 03 năm trở lên, giúp đỡ nhiều hộ nông dân thoát nghèo và tạo việc làm cho người lao động, được cấp huyện công nhận.

3. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và 01 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 22. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Đã được tặng bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong thời gian đó có 05 lần được tặng giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương hoặc Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Tùy vào đối tượng, điều kiện, hoàn cảnh, trường hợp cụ thể để xem xét, đề nghị tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

Điều 23. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

3. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên. Ngoài ra, tùy vào đối tượng, điều kiện, hoàn cảnh, trường hợp cụ thể để xem xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Hàng năm, xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể, cá nhân thuộc các Ngân hàng có Chi nhánh trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (trừ Ngân hàng Nhà nước) đã đóng góp tích cực cho sự phát triển tỉnh Hậu Giang.

Điều 24. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;

b) Có phẩm chất, đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

b) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen của Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để tặng cho tập thể, cá nhân và gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho cơ quan, đơn vị, địa phương, xã hội tùy vào tình hình thực tế, điều kiện, hoàn cảnh của tập thể, cá nhân và gia đình.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để tặng cho tập thể, cá nhân và gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho cơ quan, đơn vị, địa phương, xã hội tùy vào tình hình thực tế, điều kiện, hoàn cảnh của tập thể, cá nhân và gia đình.

5. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua hoặc thi đua theo chuyên đề, hoàn thành một hạng mục công trình, hoặc lập được thành tích đột xuất do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 25. Khen thưởng quá trình công hiến và quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng

Được thực hiện theo quy định tại Điều 41, 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

Chương IV**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG VÀ THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG****Điều 26. Thẩm quyền quyết định, đề nghị và trao tặng khen thưởng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” và “Tập thể Lao động xuất sắc”.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua và trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng Huân chương, Huy chương các hạng, danh hiệu vinh dự Nhà nước.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến; “Tập thể Lao động tiên tiến” và Giấy khen. Riêng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố công nhận danh hiệu “Áp, khu vực văn hóa”, “Khu phố văn hóa”.

Xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” và “Tập thể Lao động xuất sắc”. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Lao động tiên tiến”. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến” và các hình thức khen thưởng theo quy định đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

4. Đối với các doanh nghiệp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Hợp tác xã hoạt động độc lập do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến” và Giấy khen. Xét trình cấp trên tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

5. Người có thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đó.

Việc công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương.

Điều 27. Tuyển trình khen thưởng

Tuyển trình khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và theo quy định sau:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Cấp nào chủ trì phát động phong trào thi đua theo đợt (theo chuyên đề) chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình; trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc có tác dụng đối với tỉnh hoặc toàn quốc thì mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thì lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng. Các trường hợp đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) tổng hợp thủ tục, hồ sơ khen thưởng thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

a) Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán;

b) Tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động ở địa phương nơi đặt trụ sở giao dịch chính (bao gồm doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc hoạt động ở địa phương khác) do Người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

Đơn vị thành viên của doanh nghiệp, nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương khác do Người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp có thành tích đóng góp cho địa phương ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phải họp và bỏ phiếu kín; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

7. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ đề nghị khen thưởng.

8. Trước khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng các hình thức khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” sẽ lấy ý kiến của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ và Báo Hậu Giang trong thời hạn 15 ngày làm việc.

Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng.

9. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, 30 ngày đối với các trường hợp phải có ý kiến hiệp ý. Việc xem xét hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên được thực hiện theo Quy chế của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Đối với hình thức khen thưởng thường xuyên thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ:

a) Khen thưởng cho các trường hợp cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý với các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Lao động” các hạng, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Thầy thuốc Nhân dân”, “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ nhân Nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;

b) Các hình thức khen thưởng khác thực hiện theo quy định tại các văn bản có liên quan.

Điều 28. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

Hồ sơ, thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng được giải quyết theo cơ chế một cửa, hồ sơ nộp tại Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh), gồm có:

1. Đề nghị khen thưởng tổng kết thành tích hàng năm hoặc năm học:

a) Hồ sơ, thủ tục:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng;

- Các giấy tờ khác có liên quan đến danh hiệu thi đua hay hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (nếu có).

Đối với báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng từ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” trở lên, sau khi có thông báo của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ gửi báo cáo thành tích.

b) Số lượng báo cáo thành tích:

- Danh hiệu Anh hùng Lao động: 04 bộ (bản chính) và 21 bộ (bản sao).
- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 03 bộ (bản chính).
- Huân chương các loại: 04 bộ (bản chính).
- Trường hợp khen thưởng cấp Nhà nước đối với sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh 05 bộ (bản chính).
- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”: 01 bộ (bản chính).

Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đề nghị khen thưởng đột xuất gồm: Tờ trình, kèm theo bản tóm tắt thành tích các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của đơn vị cấp trình.

3. Đề nghị khen thưởng cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người ngoài tỉnh gồm: Tờ trình và báo cáo thành tích do cơ quan trình thực hiện.

4. Trường hợp các cá nhân, tập thể do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện có thành tích tiêu biểu xuất sắc được đề nghị khen thưởng, thủ tục, hồ sơ theo thủ tục đơn giản cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP như sau:

- a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 29. Thời gian đề nghị khen thưởng

1. Thời gian đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng hàng năm chậm nhất đến hết tháng 02 năm sau. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

2. Các trường hợp đề nghị khen thưởng để phục vụ công tác tổng kết gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc.

Điều 30. Thông báo kết quả khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết.

2. Tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền khen thưởng thông báo), cơ quan thẩm định phải thông báo cho đơn vị trình khen biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 31. Mẫu bằng khen thưởng, danh hiệu thi đua và báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng

1. Mẫu bằng khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng và Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ.

2. Báo cáo và nội dung thành tích đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

a) Trong một hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn khác nhau cho từng loại hình khen thưởng, mỗi tiêu chuẩn cần phải báo cáo thành tích khác nhau. Vì vậy, khi đề nghị khen thưởng cần lưu ý báo cáo thành tích phải bám sát tiêu chuẩn đó;

b) Cơ quan, đơn vị và địa phương trình khen theo tiêu chuẩn và loại hình khen thưởng nào thì báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn đó; hồ sơ đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng. Báo cáo thành tích phải có đủ căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 32. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 33. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm tổ chức triển khai những nội dung sau:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trên phạm vi toàn tỉnh.

Điều 34. Đào tạo, bồi dưỡng

Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh):

1. Xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình bồi dưỡng để tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi tỉnh.

2. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng.

3. Cử cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

Điều 35. Thanh tra, kiểm tra

1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng theo quy định.

Tham mưu với Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

2. Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu cho Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp xây dựng kế hoạch hàng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 36. Xử lý vi phạm

1. Người nào gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN VÀ PHÂN CHIA CỤM, KHỎI THI ĐUA

Điều 37. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh được quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm giúp Người đứng đầu đánh giá thành tích của tập thể, cá nhân có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác. Cơ quan thường trực Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 38. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương (sau đây gọi là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị) là cơ quan tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Hội đồng có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch và các Ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền hoặc hưởng ứng phong trào thi đua do cấp trên phát động;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị hướng dẫn, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Văn phòng (Phòng Hành chính) cơ quan, tổ chức, đơn vị là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị; có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác. Cơ quan thường trực Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 39. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện và cấp xã) là cơ quan tham mưu cho Cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện và cấp xã gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã;

b) Hội đồng có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch. Đối với cấp huyện, lãnh đạo Phòng Nội vụ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch Thường trực; đối với cấp xã, công chức Văn phòng - Thống kê kiêm công tác thi đua, khen thưởng là Ủy viên Thường trực. Các Phó Chủ tịch khác và Ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện và cấp xã có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền hoặc hưởng ứng phong trào thi đua do cấp trên phát động;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện; có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác. Cơ quan thường trực Hội đồng xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng; hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 40. Thành lập Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh và Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở

1. Việc thành lập Hội đồng:

a) Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

b) Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập;

c) Thành phần Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh và Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

2. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh:

- Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” và đề nghị Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” hoặc làm cơ sở để xét các hình thức khen thưởng hàng năm theo quy định.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp tỉnh thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

b) Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở:

- Giúp Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc làm cơ sở để xét các hình thức khen thưởng hàng năm theo quy định do Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xem xét, công nhận.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc làm cơ sở để xét các hình thức khen thưởng hàng năm theo quy định.

3. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

a) Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 ngày 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

b) Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

c) Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng với các hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 41. Các Cụm, Khối thi đua trong tỉnh được phân chia theo cơ quan, đơn vị và địa phương

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tổ chức hoạt động bình xét thi đua và xét tặng thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các khối, cụm thi đua hàng năm theo quy định.

Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xem xét, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành viên Cụm, Khối thi đua cụ thể hàng năm.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG

Điều 42. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn được hình thành từ ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc cấp mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài hợp pháp.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội được bố trí từ dự toán chi ngân sách của Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

3. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp Nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

5. Việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp Nhà nước quy định tại Khoản 4 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

6. Quỹ thi đua, khen thưởng của các Hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Hợp tác xã vận tải, Hợp tác xã xây dựng và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của Hợp tác xã (mức trích do Hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Điều 43. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cách tính và mức chi tiền thưởng hoặc hiện vật có giá trị tương đương được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

- Ví dụ 1: Năm 2018, ông Nguyễn Văn A được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, sau đó được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, thì ông A chỉ được nhận tiền thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Ví dụ 2: Năm 2018, tập thể B được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, sau đó được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, thì tập thể B chỉ được nhận tiền thưởng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

Ví dụ: Năm 2018 ông Nguyễn Văn C được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, sau đó được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang” thì ông C được nhận tiền thưởng của danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tiền thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang”.

c) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Ví dụ: Năm 2018, ông Nguyễn Văn A được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thì ông A được nhận tiền thưởng của danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, tiền thưởng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện và tiền thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Không chi tiền thưởng đối với các tập thể, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức quốc tế; các tập thể, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen về thành tích đóng góp, thành tích trong công tác an sinh xã hội.

4. Tập thể, cá nhân khi được khen thưởng được chi tiền thưởng theo quy định đối với mỗi hình thức khen thưởng. Trong một số trường hợp, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, khắc phục khó khăn lập thành tích được khen thưởng, gương người tốt, việc tốt, các gương điển hình trong phong trào thi đua, phong trào quần chúng, đề động viên kịp thời thì cơ quan, tổ chức đề nghị khen thưởng phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) báo cáo, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức thưởng đối với từng trường hợp cụ thể (không quá 50 triệu đồng).

Điều 44. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quản lý Quỹ thi đua khen thưởng được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch.

3. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận và các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước cho tập thể, cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh; tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ Quy định này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và đơn vị mình. Ngoài các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và các nội dung thi đua, hình thức khen thưởng trong Quy định này, Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, doanh nghiệp và lãnh đạo các địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và vận dụng Quy định này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng nhân rộng điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương trong tỉnh.

5. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh kịp thời.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Tiến Châu